

<https://tiny.cc/meyarw>

Đoạn lịch sử tư tưởng giải phóng của phụ-nữ

Trên lịch sử loài người, phẩm một cái tư tưởng gì phát hiện ra, không phải là hình ảnh vô số, tất là nhân hoàn cảnh cũng như xã hội gây nên. Tư tưởng giải phóng phát hiện trên lịch sử phụ nữ, cũng không ngoài cái công lý ấy. Xem hai tư tưởng giải phóng của phụ nữ dưới chế độ Dân chủ dưới đây thì rõ. (Dinh Thảo báo).

a) Ai cũng biết đến chủ nghĩa công ty do chủ nghĩa, là cái công cụ của giai cấp tư sản dùng để đánh đổ chế độ phong kiến.

Đương lúc giai cấp tư sản ở dưới chế độ phong kiến đã đến độ sụp đổ nhưng tư tưởng tư sản nhân quyền đã hiện diện trong những chương trình bị ép buộc dưới cái ách phong kiến. Khi đó phải phụ nữ mới lập trước dưới là có tư tưởng nhân quyền đã gia nhập một trận đấu để chế độ phong kiến.

Khi đó phải phụ nữ bắt đầu giác ngộ, mới khởi ra yêu cầu quyền lợi mình bình đẳng với dân chúng trong xã hội. Đó là cái mầm mống của tư tưởng giải phóng và phải phụ nữ dưới chế độ dân chủ và tự do. Tư tưởng giải phóng của phụ nữ sản sinh và luận điệu của các nhà học giả.

Tư tưởng giải phóng ấy gọi là "Feminisme", người Tân dịch là chủ quyền chủ nghĩa hay là chủ quyền bình đẳng. Theo ý nghĩa ấy các nhà giải thích có khác nhau, có thể khái quát lại là ở dưới chế độ xã hội chủ nghĩa tư bản, dân bà bắt đầu sao cho quyền lợi đồng đẳng với dân ông. Lúc mới đầu, chủ nghĩa "chủ quyền" không phải để chế độ xã hội chủ nghĩa tư bản cũng chế độ giải cấp bị phân biệt hành, mà chỉ phân biệt chế độ chế độ dân ông áp dụng cho chế độ phụ nữ; không có ý kiến chủ trương chế độ xã hội chủ nghĩa của quyền dân bà bình đẳng với dân ông. Lại nhận định rằng nam nữ hai tính là đối lập.

Tư tưởng ấy chính là con đẻ của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa giải cấp tư sản trong quá trình giải phóng.

Chủ nghĩa nữ quyền

Tư tưởng chủ nghĩa nữ quyền, có thể nói là khởi đầu từ hai "Đàn ông luận" (Contrat social) của tư gia (Rousseau). Mối thời đại cách mạng nước Pháp và thế kỷ 18, La-lan phụ nữ, phải biết "Phụ nữ quyền lợi tự nhiên" chính là cuộc đấu tranh đấu tiên của tư tưởng ấy. Đến thời năm 1792, ở nước Anh nhà nữ sĩ Hoa-tơ (Mary Wollstonecraft) đã viết một bản sách "Nữ quyền ông bà luận" cũng yêu cầu dân ông và trong xã hội quyền lợi đồng đẳng với dân ông.

Cái mầm chủ nghĩa nữ quyền gieo mồi tư do, lại truyền tiếp các nước Á-Ây, nhân thế người ta suy tôn nữ sĩ Đảng Cách-lập-Phu-Thất là thầy tổ chủ nghĩa nữ quyền.

Các nhà nữ đại biểu cho nữ quyền chủ nghĩa

Đến khoảng giữa thế kỷ 19, cái nền tảng quan điểm chủ trương lập và phát triển tư tưởng nữ quyền chủ nghĩa cũng được thể hiện hình thức mà lan rộng các nước Á-Ây. Nhân vật danh tiếng đại biểu cho tư tưởng ấy, ở nước Anh thì có Á-lan-mac-Len, nước Mỹ thì Tu-lam-Na và Kỳ-nhi-Men. Tuy nhiên thì Á-lan-Khải (Ellen Key). Các nhà ấy đối với yêu cầu phụ nữ kiến giải cũng khác nhau. Lý như:

a) Mục đích thì nhất tâm về một vấn đề phụ nữ tham chính; trong bản sách "Phụ nữ quyền của phụ nữ", ông ta chủ trương địa vị phụ nữ trên pháp luật. Nghĩa là ông ta chủ trương vào một kiến giải bình đẳng giữa nam nữ về mặt chính trị và kinh tế.

b) Tu-lam-Na phân biệt trong bản sách "Phụ nữ với tư tưởng chủ yếu là tự do" quan sát về mặt tư tưởng mà thuyết minh vấn đề phụ nữ giải phóng.

c) Kỳ-nhi-Men phân biệt trong bản sách "Phụ nữ với kinh tế" lại chủ trương vào chế độ gia đình và mặt kinh tế mà khảo sát vấn đề phụ nữ.

d) Á-lan-Khải phân biệt trong bản sách "Phụ nữ quyền" ra

mấy bản sách:

- 1) Nhị đẳng thế kỷ,
- 2) Luận về công lý hôn nhân,
- 3) Phụ nữ vận động.

e) Mục đích phụ nữ:

- 1) Nhị đẳng thế kỷ,
- 2) Luận về công lý hôn nhân,
- 3) Phụ nữ vận động.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Việc phụ-nữ

Tư tưởng giải phóng phụ nữ là một tư tưởng mới, nó là tư tưởng của giai cấp tư sản dùng để đánh đổ chế độ phong kiến.

Đương lúc giai cấp tư sản ở dưới chế độ phong kiến đã đến độ sụp đổ nhưng tư tưởng tư sản nhân quyền đã hiện diện trong những chương trình bị ép buộc dưới cái ách phong kiến.

Khi đó phải phụ nữ mới lập trước dưới là có tư tưởng nhân quyền đã gia nhập một trận đấu để chế độ phong kiến.

Khi đó phải phụ nữ bắt đầu giác ngộ, mới khởi ra yêu cầu quyền lợi mình bình đẳng với dân chúng trong xã hội.

Đó là cái mầm mống của tư tưởng giải phóng và phải phụ nữ dưới chế độ dân chủ và tự do.

Tư tưởng giải phóng của phụ nữ sản sinh và luận điệu của các nhà học giả.

Tư tưởng giải phóng ấy gọi là "Feminisme", người Tân dịch là chủ quyền chủ nghĩa hay là chủ quyền bình đẳng.

Theo ý nghĩa ấy các nhà giải thích có khác nhau, có thể khái quát lại là ở dưới chế độ xã hội chủ nghĩa tư bản, dân bà bắt đầu sao cho quyền lợi đồng đẳng với dân ông.

Lúc mới đầu, chủ nghĩa "chủ quyền" không phải để chế độ xã hội chủ nghĩa tư bản cũng chế độ giải cấp bị phân biệt hành, mà chỉ phân biệt chế độ chế độ dân ông áp dụng cho chế độ phụ nữ; không có ý kiến chủ trương chế độ xã hội chủ nghĩa của quyền dân bà bình đẳng với dân ông.

Lại nhận định rằng nam nữ hai tính là đối lập.

Tư tưởng ấy chính là con đẻ của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa giải cấp tư sản trong quá trình giải phóng.

Chủ nghĩa nữ quyền

Tư tưởng chủ nghĩa nữ quyền, có thể nói là khởi đầu từ hai "Đàn ông luận" (Contrat social) của tư gia (Rousseau). Mối thời đại cách mạng nước Pháp và thế kỷ 18, La-lan phụ nữ, phải biết "Phụ nữ quyền lợi tự nhiên" chính là cuộc đấu tranh đấu tiên của tư tưởng ấy. Đến thời năm 1792, ở nước Anh nhà nữ sĩ Hoa-tơ (Mary Wollstonecraft) đã viết một bản sách "Nữ quyền ông bà luận" cũng yêu cầu dân ông và trong xã hội quyền lợi đồng đẳng với dân ông.

Cái mầm chủ nghĩa nữ quyền gieo mồi tư do, lại truyền tiếp các nước Á-Ây, nhân thế người ta suy tôn nữ sĩ Đảng Cách-lập-Phu-Thất là thầy tổ chủ nghĩa nữ quyền.

Các nhà nữ đại biểu cho nữ quyền chủ nghĩa

Đến khoảng giữa thế kỷ 19, cái nền tảng quan điểm chủ trương lập và phát triển tư tưởng nữ quyền chủ nghĩa cũng được thể hiện hình thức mà lan rộng các nước Á-Ây. Nhân vật danh tiếng đại biểu cho tư tưởng ấy, ở nước Anh thì có Á-lan-mac-Len, nước Mỹ thì Tu-lam-Na và Kỳ-nhi-Men. Tuy nhiên thì Á-lan-Khải (Ellen Key). Các nhà ấy đối với yêu cầu phụ nữ kiến giải cũng khác nhau. Lý như:

a) Mục đích thì nhất tâm về một vấn đề phụ nữ tham chính; trong bản sách "Phụ nữ quyền của phụ nữ", ông ta chủ trương địa vị phụ nữ trên pháp luật. Nghĩa là ông ta chủ trương vào một kiến giải bình đẳng giữa nam nữ về mặt chính trị và kinh tế.

b) Tu-lam-Na phân biệt trong bản sách "Phụ nữ với tư tưởng chủ yếu là tự do" quan sát về mặt tư tưởng mà thuyết minh vấn đề phụ nữ giải phóng.

c) Kỳ-nhi-Men phân biệt trong bản sách "Phụ nữ với kinh tế" lại chủ trương vào chế độ gia đình và mặt kinh tế mà khảo sát vấn đề phụ nữ.

d) Á-lan-Khải phân biệt trong bản sách "Phụ nữ quyền" ra

mấy bản sách:

- 1) Nhị đẳng thế kỷ,
- 2) Luận về công lý hôn nhân,
- 3) Phụ nữ vận động.

e) Mục đích phụ nữ:

- 1) Nhị đẳng thế kỷ,
- 2) Luận về công lý hôn nhân,
- 3) Phụ nữ vận động.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Á-lan-Khải mới đề xướng chủ nghĩa nhân tính và ông cũng lý luận Á-lan-Khải là chủ nghĩa tối cao, theo chủ nghĩa của hai ông mà giải quyết vấn đề phụ nữ.

Nội các Laval đã từ chức

Vì đảng Xã-hội-cấp-tiến không tán thành công việc, nên nội các Laval đã từ chức ngày 22 Janvier.

Ông ALBERT SARRAUT đã lập nội các mới, gồm có mấy ông sau này:

Đứng lý kiêm nội vụ	Albert Sarraut
Quốc vụ	Paul Boncour
Tư pháp	Yvon Delbois
Ngoại giao	Flandin
Thảo địa	Stern
Tài chính	Marcel Régnier
Lạc quân	Général Maurin
Hải quân	Piéri
Hàng không	Marcel Déal
Học vụ	Guernut
Thương mại	Bonnet
Công tác	Chaumont
Nông chánh	Thellier
Bưu chánh	Mandel
Lao động	Frossard
Y tế	Nicollé
Hàng hải	De Chappedelaine
Lưu động	Besse

Các vị thứ trưởng:

Tổng lý	Jean Zay
Nội vụ	Beauguillo
Tư pháp	Maxence Bibié
Công vụ	Maze
Học vụ chuyên môn	Julien

Tạ trường!

Nhịp Tết, nhà trường nghỉ học, học trò về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Học trò cảm ơn thầy là tấm lòng đáng quý, song nhiều bài diễn văn dài nói về nhà ăn Tết, nhân thế mà có chuyện tạ trường, cũng trường, chào thầy... Bản báo có tiếp được nhiều bài diễn văn của học trò cảm ơn thầy trong nhịp tạm biệt này gọi lại đăng báo.

Tin cùng độc-giá và các nhà đăng quảng-cáo

Sau một khoảng sắp đặt lại ngày, Tổng - Dân sẽ ra mỗi tuần 3 kỳ. V2 phần độc-giá mua năm, giá cũng 5300 như trước mà mỗi tuần thêm được một tờ báo, từ phần mua 12, trước mỗi số 0405, từ số này hạ xuống 0304.

Còn qui ngại đăng quảng-cáo dài hạn, mỗi tuần cứ đăng 2 kỳ thứ 3 và thứ 7 như trước và thành thạo sẽ đăng biệt vào số báo thứ 5 mỗi vài kỳ.

Ái muốn đăng Quảng-cáo luôn mỗi tuần 3 kỳ, xin gửi thơ thương lượng. Mua báo xin gửi tiền trước. TIẾNG-DÂN

Quan Thông binh mới THUỐC SẤU AN RANG

Quan Thông-binh cai quản đạo binh Đông-dương Bulher đã sang đây thay cho đại tướng Verd er về Pháp.

Phú-Xuân Học-hiệu

Đã có các lớp:
từ lớp Đông-Ấu đến lớp
Tư-niên Cụ-thể
Lập từ năm 1930

PHÒNG TÍCH «CON CHIM» GIA TRUYỀN NGŨ ĐẠİ

Xem bài tường thuật ở kỳ báo trước hoặc kỳ sau. Tìm CON CHIM ở trang tư số 10.

Ái-hội qua, Bình-tỷ đến, nhà thuốc LỢI-SANH-ĐƯỜNG hiệu BÀN TAY

Kính chúc đồng-bào sang năm mới lợi tài phát đạt và ti dàng dàu, thuốc Hiệu BÀN TAY.

LỢI-SANH-ĐƯỜNG
SAIGON TOURANE
Kính chúc

Ai thương con??

Khi thấy con thân thể gầy ốm, mặt mày xanh vàng, bụng to và thường có sán, đêm ngủ khóc, hay có ghê sán, nên biết đó là tại:

1) Bụng thọ thiên nguyên yếu;
2) Trong mình có độc bởi nhiễm bệnh di truyền;
3) Ty vị bị tích trệ bởi bú mớm không thường, ăn những đồ ăn khó tiêu, hoặc người lạnh.

Vậy muốn bồi bổ thiên nguyên, tẩy tích trệ, bồi ty vị, làm cho thân thể mập mạp, khi huyết đầy đủ, da thịt nở nang, gân xương cứng mạnh, trừ hết ghê sán, lọc hết máu độc, để cho con được ăn chơi mau lớn, nên cho dùng:

Thuốc bổ trẻ con

HIỆU CHỖ THỌ
Mỗi chai 0500
Hỏi tại các nhà Đại-lý Thuốc Chỗ Thọ, Dầu Chỗ Thọ, Dầu Từ Quý.

NHÀ THUỐC VINH-THỌ TOURANE

Dip may hiem có!!!

Nhà thuốc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG Hanoi là một nhà thuốc nam ra đời để lâu năm, to nhất và danh tiếng nhất trong xứ Đông Pháp, xa gần ai cũng hoan nghinh là thuốc rất liab nghiệm. Nay nhà thuốc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG mới mở một nhà TÔNG-ĐẠI-LÝ ở đường Đông - Khanh Tourane và một nhà PHÂN-CUỘC tại số 64, đường Gia-Long Huế, để bán các thứ thuốc CAO, ĐƠN, HOÀN, TÁN của Tông-quốc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG Hanoi chế ra, vậy kể từ ngày 15 Janvier 1936 ngày nào mua các thứ thuốc ở 2 nơi Tông-đại-lý và Phân-cuộc ấy mà mua được từ 1500 trở lên thì chúng tôi sẽ xin kính biếu lại một hộp « THUỐC BỔ » đáng giá 1500 nữa.

Xin các quý khách chiến cố sẽ biết công hiệu và giá trị các thứ thuốc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG thế nào.

Ngày nào muốn biết rõ thuốc nào chữa bệnh gì, công dụng thế nào, giá tiền bao nhiêu, xin mời qua bộ đàn nhà Tông-đại-lý và Phân-cuộc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG ở Huế và ở Tourane mà hỏi một quyền Dược-mục về coi sẽ rõ.

Tổng cuộc NAM-THIÊN-ĐƯỜNG Hanoi
Chữ-nhơn kính cạo

Năm hết... tết tới...

PRODUITS "VÉDÉ"

Ái ai cũng nôn nước lo sửa nhà, sơn cửa, quét vách... Nên ai cũng chăm hỏi cho được các thứ sơn bột, sơn lon, các vật liệu về việc sơn sửa nhà VÉDÉ; đã được hàng rất tốt mà giá lại hạ không đâu sánh kịp.

Ví dụ: bột vàng (ocre jaune) và bột đỏ (ocre rouge) mỗi kilo bán có 0310 thôi.

Ở Huế, bán ở bán ở tại:
M. HOÀNG-TOẠI
Rue Jules Ferry
(Gần Tòa Khâm)

là nhà đại lý hàng VÉDÉ và Hội Văn - Quốc Tế - Kiêm.

Xà phòng VÉDÉ 72%, giặt lau hao, rất tốt, giá rất hạ.

Bệnh Bạch-dái, Bạch-trọc, Huyết-trắng với thuốc Bá-đà-sơn-quân-tán N°1

Đời văn minh, bệnh phát rất văn minh, nếu không có thuốc văn minh, thế nào trị được. Thuốc Bá-ĐÀ-SƠN-QUÂN-TÁN, chế ra không tùy theo sách xưa lấy sự lý học thì nghiệm khảo cứu, thăm hiểu nguyên nhân căn bệnh dùng thuốc phương ngoại hiệp cùng thuốc Bắc mà phát minh ra, trị 10 người hết cả 10, đồng đồng báo Trung, Nam, Bắc công nhận là vị CỨU TINH của hàng phụ nữ, chuyên trị bốn chứng đau tử cung xin kể dưới đây:

1) HUY THIỆT TỬ CUNG. — Bởi kinh huyết không đều, tử cung hư hàn, hư nhiệt, hai sợi giây chẳng yếu tử cung sa, bạch dái ra dầm dề, khi trong, khi đục, gương mặt xanh xao, càng ngày càng ốm.

2) NỘI THƯƠNG TỬ CUNG. — Bởi đàn bà khi sanh dễ tróc tử, não động tử cung, hai sợi giây chẳng yếu tử cung sa và có vết thương, đau trắng hai bên dạ dưới, ra bạch dái có khi lộn máu, đường tiểu nóng rát, khi có đường kinh hết rồi, tức lại giây đưa năm ngày chưa dứt, lặn xuống là có đường kinh dài, vì những máu ấy ở trong vết thương tử cung mà ra.

3) NHIỆM ĐỘC TỬ CUNG. — Người đàn bà hay là con gái hoặc người tu hành không chồng, khi có đường kinh băng bó lại không cho bỏ hơi nên hơi độc máu xấu nhiễm vào tử cung, bị sưng tử cung, khi có đường huyết ra đến 5, 7 ngày mà chưa hết ra bạch dái vàng có giây có bọt, đường tiểu không thông.

4) NGOẠI THƯƠNG TỬ CUNG. — Chứng này nặng hơn hết, đàn bà bị ngoại thương truyền nhiễm bởi người chồng trước bị lộn độc hay là sang độc, uống thuốc hết rồi mà chưa uống trừ căn, khi giao cấu người đàn bà bị nhiễm độc, trong tử cung có một cái nhân và lộn máu cho đàn ông hai bên dạ dưới: ra huyết trắng có giây có bọt, lộn máu, đường tiểu nóng rát lại đi độc ở đại trường làm chảy cuốn đại trường sưng đau thất ngang lưng, đường đại bón nổi, mỗi lần đi tiểu thốn đau khó chịu, có khi đi tiểu ra máu, lặn ngày biến sanh nội ngoại trĩ.

Bốn chứng bệnh đau tử cung tới cả trên đây, trường hợp Bá-ĐÀ-SƠN-QUÂN-TÁN không cần bơm rửa mà bệnh hết dứt. Thuốc này cách trị khác hơn thuốc khác, không phải uống cho cảm lại, lại uống cho dài hết độc trong tử cung, làm cho tử cung hết đau thì bệnh hết dứt. Bệnh nào trong tử cung không lớn, uống vào hết liền, bệnh nào trong tử cung lớn và có vết thương, phải trường phục cho nhiều, những vết thương ấy lành, thì bệnh hết dứt.

Trừ ra chứng tử cung ung độc (cancer) thuốc này không thể trị được. Mỗi hộp 10 gói, uống 5 ngày, giá 1500
VÔ-VÂN-VÂN DƯỢC-PHÔNG — Thudamot
CHI-CUỘC: Saigon, Quinhon, Tourane, Huế, Hanoi, Haiphong

Tim-lam, cốt-khi, giang-mai, sang độc chỉ có thuốc GIẢI-ĐỘC-SÁT-TRÙNG-HOÀN hiệu VÔ-VÂN-VÂN là hay hơn hết.

1) Chủ biên: Ông Nguyễn-văn-Giao (Thám-hoa) và Nguyễn-văn-Lập (Hoàng-giáp)

Lần này người Nghệ Tĩnh, nói công nghiệp lại là thi sĩ cụ Nguyễn-công-Trứ, nói vào năm thì kể cụ Nguyễn-Da, nói trung nghĩa thì kể cụ Phan-đình-Phảng, mà nói vào học khoa giáp thì kể ông Nguyễn-văn-Giao.

Ông người Nghệ-an, huyện Thanh-chương, học giỏi sớm, một khoa thi hương đời Thiệu-Trị đỗ cử nhân, nhưng bị trich về dấu tích gì đó, phải truất hống và mang tội « bất đắc ứng thi », đến mấy khoa không được đi thi.

Ông chuyên nghề dạy học, tuy không được thi, nhưng tiếng học giỏi vang động cả nước, nghe tiếng, học trò tới học rất đông và nhiều học trò giỏi. Ông Lập là cháu kén ông bằng chú, cũng học với ông mà giỏi.

Mãi đến năm Tự-Đức, khoa Mậu-thân, vua có khai ân khoa, và có ân chiếu, ông ta mới được đi thi lại.

Khoa ấy ông Lập cũng đi thi.

Hai chú cháu vào trường đệ nhị, (2) ra trường, chú cháu cùng ngồi nói chuyện. Ông Giáo rói:

— Bài phú cháu may cũng phê được cái bình ư, còn bài của chú thì quan chấm trường có dốt cũng không làm gì mất 4 ru (3).

— Khi trong trường tôi chưa đọc kỹ bài chú, vậy chú cho tôi xem lại.

Ông Giáo đưa cáo cho xem, xem xong ông Lập nói:

— Thưa, bài chú hay thiệt nhưng hỏng mất rồi chú ạ!

— Hổng thế nào, thằng nói bậy. Bài thế mà không phê ưu có bài nào nữa?

Ông Lập còn thiếu niên có tánh sắc tháo, nói:

— Thôi, khoa này chú nhường thủ khoa cho cháu rồi, chú sẽ thi lại khoa sau, chớ bài phú chú trắng vắn, mà

CHUYỆN VUI VỀ THỜI ĐẠI KHOA CỬ

Của THÁI-THUẬT, Nghệ-an

Lời nói đầu

ai phê ưu được? Này....

Ông Lập chỉ vắn trắng ra, ông Giáo chưng hửng, đồ giặc:

— Sao khi trong trường mà không báo?

— Báo thì chú dứt thủ khoa mất, còn đến đến cháu, (có lẽ khi trong trường ông Giáo có xem bài ông Lập thì có, chớ ông Lập không xem kỹ bài ông Giáo nên không thấy chữ trắng vắn ấy, câu trên cũng pha dấm).

Quả nhiên khoa ấy ông Lập đỗ Giải-nguyên mà ông Giáo bị hỏng, đến khoa sau thì mới đỗ Giải-nguyên.

Ông Vũ-huy-Dực đi thi khoa Hoành-từ

Năm Tự-Đức thứ 4, vua có khai khoa thi « Bắc học hoành từ » Khoa này không phải như khoa thi hương thì hội thường kia, chính là khoa đặc cách bất thời, mở ra để thi những tay học văn uyên bác, người ứng thi do các quan đại thần tại triều và địa phương đứng cử mới được vào thi. Mà nếu cử không phải người, người đứng cử cũng có tội hoặc giáng hoặc phạt bổng chớ không phải chời; nên những người được cử thi khoa ấy đều là tay danh sĩ gốc cả.

Ông Vũ - huy - Dực, người Quế-đương, Bắc-ninh, đỗ mấy khoa tú tài, cử tú thập (tú tài tuổi 40), bổ làm Huân-đạo huyện Thanh - ba. Tuổi đã cao mà chỉ đỗ tú tài, tánh lại khô khốc, không ai biết là người học uyên bác.

Huân đạo thời kỳ lương tháng chỉ mấy vuông gạo và mấy quan tiền. Mỗi bữa sáng trước khi giảng sách cho học trò, ông ta thường mua

« Người nước Nam không thuộc chuyện nước Nam », ấy là một câu người ngoài thường dùng để chế nhạo người mình. Mà thực vậy, muốn biết cũng không biết rõ vào đâu: Trừ một vài bản sử gia phả ra, không thấy có truyện ký gì, mà sách gia phả đó, cũng là sách đời Lê, Trừ trước, còn như sách bản triều, lại còn là sách bị một chưa thông hành kia!

Theo như ký giả được thấy thì có bản « Hoàng-Lê nhất thống chí » (1), 2 cuốn, có cái vẽ lịch sử tiền thuyết, trong có chép chuyện Lê-Một, Tây-Sơn (ông Lê-Bư có dịch một vài đoạn), lưu một ít sự tích về thời đại ấy. Thờ ờn có bản « Thodi thực ký » của ông Trương-quốc-Dương. Trong ở ở, cũng môn loại lịch sử, song về giá trị thì thật vì có đồng thu góp được nhiều chuyện. Ngoài ra cứ nghĩ thấy có bản gì, chỉ là thi văn hóa.

Ký giả trước có học nho, thường qua lại các nhà danh gia, cũng con em họ chời, thành thói quen có nghe một ít chuyện do mấy bác sĩ lão thuật lại, lại có thấy một đôi bản chép, nói về chuyện triều đại gần đây, nhất là chuyện khoa cử và triều Tự-Đức, có lần chuyện vui. Ký giả có thấy được một ít, mỗi khi chén rượu cuộc trà, có an em ngồi đông, thuật một đôi chuyện, cứ tựa đầu vui cười, có khi nghe lỗ đở câu chuyện nào, bữa sau lại tới giờ rồi cho rớt hết. Nhất là anh em thiếu niên lại càng ham nghe hơn.

« Ước nước nhỏ nguồn » có lẽ là tâm lý chung của loài người, nên bất kỳ là giai cấp nào, làm nghề nghiệp gì, thông theo chuyện mới Âu-Mỹ đến đâu, mà nghe kể một ít chuyện thú của tiền nhân nhà, đều thích nghe mà không biết mỏi.

Chính một nhà thanh niên họ đã nói với ký giả rằng:

« Tôi xem tiền thuyết Tây-Tân vẫn thấy cái hay cái vui nhưng rành chuyện ngoài. Gần đây người mình mô phỏng theo làm ra nhiều quá, lúc đầu soi một vài bản cũ có thú, sau xem hoài rồi thấy bản nào cũng trùng nhau, cũng đi lặt, cũng chuyện đời nhảm, lại thêm cái vẽ một kiểu giống nhau, thành bản nào như bản nào, không còn hứng thú gì, vì không thấy có cái gì có đặc điểm riêng ».

Nghiệm một là trên, thấy tâm lý xã hội ta ngày nay đã sinh một cái phản niệm mới là « muốn tìm ao nhà ».

Ký giả có chép được một ít chuyện « khoa trường giải thoại » gói dấm vào phụ trương Tiếng-Dân. Trước khi kể chuyện, xin thưa một điều là chuyện thuật dưới này, giống tiền thuyết mà rành là việc thật, giống truyện ký mà có pha văn thông tục, đều quan hệ là nhộm mồm lịch sử, văn học và tập tục trong một thời đại xã hội vào đời hân học khoa cử.

THÁI-THUẬT

một chén bánh dục ăn lót lòng, người ta gọi là quan Huân « bánh dục ».

Nghe có chiếu vua mở khoa thi Bắc-học hoành-từ, ông ta tự ra lĩnh xin quan tỉnh cử cho đi thi.

Ông Tú già, thuở nay mang lều vào trường để 6, 7 khoa mà mò không được một chữ « bình » ư, cái « cử nhơn » kia còn làm không xong, lại lờ lờ đòi đi thi « Hoành-

từ », ai nghe mà không cho là ngớ ngẩn quan tỉnh báo:

« Thấy an phận ôm cái tú-tài mà giữ vuông gạo Huân-đạo để nuôi cảnh già, khéo bày dễn cử cọt làm gì, lại liên tục đến quan địa phương ta mất lương, mà thầy lại hỏng cả nồi gạo, mất thắm cả cái vốn « tú tài » chớ không phải chời đâu.

Ông ta nài mãi và xin đoan cả cái huân-đạo và cái tú-tài vắn vãi (4)

của mình nữa.

Quan tỉnh thấy ông nói thiệt cốt không nở từ chối mới nói:

— Thôi, thầy đã liễn cái huân-đạo cùng cái tú-tài của thầy, thì quan ta cũng không bực gì mấy tháng bổng. Thôi cử thì cử cho đi, nhưng thầy phải giữ, hay là để giấy trắng đi thi tội còn to nữa, không chỉ mất tú-tài mà thôi đâu.

Thế là ông Huân già được đi thi khoa đặc cách ấy.

3) Ông Nguyễn-hữu-Lập gặp ông Vũ-huy-Dực

Ông Nguyễn - văn - Giáo học giỏi danh tiếng lừng lẫy, như bị cái án « bất đắc ứng thi » (cụ Phan-bội-Châu lúc còn học trò cũng bị cái án ấy), sau được thi lại bị hỏng, nên khoa hoành-từ này không ai cử. Trái lại, ông Nguyễn-hữu-Lập học trò và cháu ông Giáo, song cũng có tiếng « thiếu niên anh tuấn » và lại mới đỗ thủ khoa trường Nghệ, nên quan tỉnh cử ông Lập đi thi khoa đặc cách này.

Ngày xưa ở Bắc vào kinh gần cả tháng đường, ở Nghệ vào cũng đôi mươi ngày, chớ phải có đường xe dễ dàng như ngày nay đâu. Mấy người đi vào kinh thi, đều kéo bó theo đường thiên lý, vừa đi vừa nghỉ cùng đường theo từng trạm quán.

Khi ông Dực ở Bắc vào, dọc đường lại gặp ông Lập. Một già một trẻ, cùng đi thi cái khoa đặc cách, gặp nhau trò chuyện kết bạn cùng đi cho vui.

Ông Lập thấy ông Dực bộ dạng khô khốc, lại nghe xuất thân Tú-tài, có ý kiêu ngạo, thường sinh chữ với ông Dực. Còn ông Dực có nghe tiếng

ông Nguyễn-văn-Giao cũng trọng ông Giáo mà khinh ông Lập cho là trẻ (thời chưa học được mấy chữ. Ông Dực nói:

Chữ nghĩa cháu được học nhiều mà cũng đi thi hoành từ, có thi vài bác chẳng là chủ của cháu ở nhà kia, chớ cháu đứng nói chữ với bác cho nhọc.

Ông Lập mới đầu còn khinh, song đi một vài ngày cũng nói chuyện, ông Lập nói đầu thì ông Dực nhớ đó, mà ông Dực gạn lại một đôi câu thì ông Lập mết. Từ đó kính phục ông Dực không dám lộ giọng ngạo nữa. (Còn nữa)

- (1) Bản này ký tên tác giả Ngô-Thời-Luyến.
- (2) Thi hương 3 trường, 1 Minh nghĩa, 2 thi phủ, 3 văn sách.
- (3) Quan trường chấm 4 lớp, sơ khảo, phúc khảo, giám khảo, và ngoại trường, chia 4 hạng: văn, hành, thư, lý 優平次劣.
- (4) Thường thường bên bên người mà có cuộc trước phẩm một bên gọi là vắn vãi.

Vạn văn

Đêm không ngủ

Bốn mặt trông ra cảnh vắng xo.
Bà còn mê giấc ngày kho kho.
Mây che trời đất màn đen ngất,
Trăng vẽ non sông nét tối mờ.
Lác đác ngành mai sương nhỏ giọt,
Phi phèo phen trúc gió lòn vô.
Vầng đông chửa mới còn chưa rạng,
Xao xạc gà đâu gáy ó ồ!

T. K.

Nghèo

Khò nôi dền to dít lại heo,
Đẽ nghèo còn bắt gặp hời eo.
Cửa nhà năm ngoái trời xô mồi,
Khoai đậu mùa này nắng chắt queo.
Thương nỗi vợ con nôi gạo hết,
Bực nghe xâu thuế trống làng reo.
Kéo trời xuống hỏi sao nên thế,
Đầy đọa làm chi cái bọn nghèo,

T. K.

Viên giám đốc nói:

— Quan nói rất phải, như quan có nghiên cứu về việc kỷ luật làm thì phải. Hiện ở trong một ngục tối khác, cách ngục này chừng vài mươi bước, có giam một viên cố đạo, cựu thủ lĩnh chính đảng ở Ý-đại-lợi, vào đây năm 1811, sang năm 1813 thì nó điên, hiện không thể nhìn mặt được: trước kia nó khỏe, nay nó lại cười, trước kia nó ốm, nay nó lại mập. Quan muốn thấy nó hơn thấy tên này không? Cái điên của nó vui lắm.

Quan Thanh-tra này mới lãnh chức và đi thanh tra lần này là lần đầu nên cố làm cho được tiếng khen của quan trên, nên nói:

— Xin vâng.

Viên Giám-đốc trả lời rồi ra đến bên người lính giữ chìa khóa mở cửa.

Đang-Thê đang ngồi chồm bồm nơi góc ngục mà thường chút bóng mặt trời lọt vào thềm song sắt, thường một cách rất thú vị, nghe tiếng chìa khóa vặn, tiếp đến cửa mở, ngẩng đầu lên, Đàng-Thê thấy dưới hai ngọn đuốc do hai người lính giữ chìa khóa cầm dơ cao lên, một người lạ mặt, với người ấy viên Giám đốc đứng nói chuyện phải cốt mũi, lại có hai người lính sơn-đá theo hầu, chàng đoán biết ngay là ai, và tức khắc biết là nấp kén oan biếm cô, chàng chấp tay, nhảy ngay tới trước.

Hai người lính sơn-đá rất lười lả ra, vì tưởng là người phạm xong lại làm gì quan Thanh-tra.

Chính quan Thanh-tra ta cũng sợ như thế nên lui lại một bước.

Đàng-Thê thấy người ta xem chàng như người đáng sợ, nên chàng đứng nhìn, cái nhìn bao hàm hết nỗi đau khổ, và con người có thể có trong lòng, rồi từ từ nói, giọng nói càng dễ cảm động hơn nữa.

Quan Thanh-tra đứng lặng nghe từ đầu chí cuối, rồi xây qua nói với viên Giám-đốc:

— Nó dốt hẳn thái độ, thấy chưa? nó biết sợ tuổi là; một đóa diện

thật thì nó có kẻ gì đâu: về vấn đề này, ở Sa-rân-tông tôi có diễn thuyết một lần, phát minh nhiều đến rất ngộ.

Rồi xây lại nói với Đàng-Thê:

— Nói tóm lại, anh muốn xin những gì?

— Tôi xin cho tôi biết tôi phạm tội đại hình gì; tôi xin xử vụ án của tôi lại; tôi xin điều tra lại cho thật kỹ; tôi xin đưa tôi ra mà bản, nếu tôi rõ có tội, nhưng nếu tôi không tội gì thì thả tôi ra.

Quan Thanh-tra hỏi:

— Anh ăn uống ra sao?

— Tôi không biết gì hết, có lẽ khá; Nhưng đến kỷ không quan hệ gì: đều quan hệ, chẳng những quan hệ cho tôi là một tên tù phạm, mà còn quan hệ đến các quan chức xử án, đến đấng vua cai trị chúng ta, là làm thế nào cho một người vô tội mà bị vu bảm một cách rất độc ác khỏi phải chết trong ngục tối này.

Quan Thanh-tra trả lời:

— Hôm nay anh nói nghe được lắm, nghe khiếm tốn lắm, nhưng phải được như thế luôn thì quý biết bao. Hôm anh muốn giết người lính giữ lao, anh nói khác hẳn, anh có còn nhớ không?

— Thưa có, và hôm nay tôi xin lỗi người ấy, người ấy đối với tôi thường tử tế... nhưng, xin quan biết cho rằng hôm ấy tôi điên, tôi tức giận quá.

— Anh hết điên, hết tức giận rồi sao?

— Thưa chưa, khổ quá, tôi ở đây đã lâu rồi!

— Lâu?... anh bị bắt khi nào?

— Ngày 58 tháng hai năm 1815, lúc hai giờ chiều.

Quan Thanh-tra tỉnh.

Hôm nay là 30 tháng 7 năm 1816, anh nói sao? anh mới bị giam có 17 tháng kia mà.

Đàng-Thê trả lời:

— Mới 17 tháng / thưa quan, có lẽ quan không rõ 17 tháng là ra sao; 17 năm 17, thế kỷ; như là đối với một người như tôi, đã gần vào cảnh sung sướng, với một người như tôi sắp cưới một người đàn bà mà tôi đã yêu từ trước, đối với một người sắp có chức nghiệp sang trọng, mà chỉ trong phút chốc thấy tiền tán cả; người kỷ đang lúc ban ngày quang sáng rực rỡ, bỗng vào đêm tối tăm mù mịt, chức nghiệp bị hỏng, không rõ người mình thương còn có thương mình nữa hay không? không biết cha già của mình sống chết thế nào? 17 tháng là đối với một người quen thói tự do của thầy thuốc... thưa quan, 17 tháng là thiệt hết sức lâu rồi... quan hãy thương đến tôi mà xin, không phải xin tha, mà xin xử lại cho tôi nhờ; tôi tưởng không có lý gì mà không chịu xử một người bị cáo.

— Được, dễ rồi sẽ hay.

Quan Thanh-tra lại xây lại nói với viên Giám-đốc.

— Tên này làm cho tôi phải động lòng; khi lên ông nhớ đưa sổ giam của nó cho tôi xem.

— Thưa phải, nhưng ngài thấy nhiều câu phê phán rất ghê sợ.

Đàng-Thê nói tiếp:

— Bẩm quan, tôi vẫn biết rằng quan không thể tự tiện tha tôi ra được; nhưng quan có thể chuyển đạt đến yêu cầu của tôi lên quan trên, quan có thể gây ra một cuộc điều tra, sau hết quan có thể

làm cho người ta đưa tôi ra xử; xử, tôi chỉ xin xử; cho tôi biết tôi phạm tội đại hình gì và bị kết án gì; vì, chắc quan cũng đã biết, không có gì khổ bằng cái không biết chắc chắn.

Quan Thanh-tra nói:

— Anh hãy nói rõ ra nghe thử.

— Bẩm quan, nghe giọng nói của quan, tôi biết quan đã động lòng vì tôi. Xin quan cho tôi được có chút hy vọng.

— Ta chỉ có thể hứa xem lại hồ sơ của anh mà thôi.

— Thế là tôi được tự do rồi, tôi được cứu ta khỏi chốn này rồi.

Quan Thanh-tra hỏi:

— Ai cho bắt anh?

Đàng-Thê trả lời:

— Bẩm ông Đờ-Vinh-Pho; xin quan tìm gặp ông ấy mà nói chuyện...

— Đờ-Vinh-Pho đã dời đi Tu-lu có một năm rồi, còn ở Mặt-xây đầu nữa.

— Ôi, người che chở tôi, chỉ có một người che chở tôi, mà lại bị đưa đi xa rồi.

— Quan Thanh-tra hỏi:

Ông Đờ-Vinh-Pho có cần anh việc gì không?

— Bẩm không; hơn nữa, ông đối với tôi khoan hồng lắm.

— Vậy ta có thể dựa vào những lời phê phán của ông đã viết vào hồ sơ của anh, hoặc sẽ viết...

— Cảm ơn quan, cảm ơn quan...

— Được, anh chờ đó...

Đàng-Thê sụp quì xuống, hai tay dơ thẳng lên trời, mà cầu nguyện cho người đã xuống tận ngục tối của chàng như ông thần cứu mệnh xuống giải thoát các linh hồn dưới địa ngục.

Cửa ngục đóng lại, mà mỗi hy vọng do quan Thanh-tra đưa xuống

vẫn còn ở trong.

Viên Giám-đốc hỏi quan Thanh-tra:

— Ngài lên xem hồ sơ của Đàng-Thê liền, hay qua ngục tối của viên cố đạo trước đã?

— Xem cho hết các ngục đã. Bây giờ nếu lên sang thì chắc không đủ can đảm mà làm cho tròn công việc buồn bực này được nữa.

— Tên này không phải như tên kia, nó điên, nhưng cái điên của nó vui hơn cái trí sáng của tên kia nhiều.

— Bệnh điên của nó thế nào?

— Ôi! điên lạ; nó tưởng nó có một hàm vàng to lắm. Nó bị giam, năm đầu, nó hứa dâng cho chính phủ một triệu, nếu chính phủ thả nó ra; qua năm thứ hai, hai triệu; đến năm thứ ba, ba triệu; và cứ mỗi năm mỗi thêm một triệu như thế. Hiện nó ở tù năm thứ năm: nó sẽ xin nói nhỏ với ngài, và hứa dâng cho ngài năm triệu, để xem...

— Hay he!... bác triệu phú ấy tên là gì?

— Cố đạo Pha-ri-a.

— Số 27! đây phải không?

Viên Giám-đốc nói với người giữ chìa khóa:

— Đây rồi. Ấng-thoan, mở cửa.

Người giữ chìa khóa mở cửa; quan Thanh-tra nhìn vào ngục tối của viên cố đạo điên.

Cố đạo điên, ở đây người ta thường gọi Pha-ri-a như thế.

Một người đàn ông gần trần trụi, vì áo quần rách ben bét cả, nằm chính giữa phòng, trong cái vòng tròn gạch với với đồ hạ trên tường nhả ra. Trong cái vòng, ông ta gạch những đường kỳ-hà-học, và như

tường đương chăm nghĩ bài toán mà A: chỉ-mét-đô đã nghĩ khi bị một tên lính của Mặt-xây-luyi giết. Vì thế này, tay của nó rầm rầm mà ông ta cũng không biết gì cả; đến khi được dọi vào sáng cả nền đất mới mà ông ta đương nằm, ông ta mới tỉnh dậy, xây mặt ra ngó quan Thanh-tra, viên Giám-đốc cùng lính tráng, như cách lấy làm lạ lắm.

Thế là lập tức ông ta vọt đứng dậy, quơ cái mồm trên cái giường hết chỗ tội tàn mà quần sắp nhập vào mình để cho dễ ngó trước mặt khách lạ.

Quan Thanh-tra lập câu khêu-dầu thường dùng:

— Anh có xin điều gì không?

Viên cố đạo trả lời:

— Tôi hả? Tôi không xin gì hết.

Quan Thanh-tra tiếp luôn:

— Chắc anh không biết; ta là người của chính-phủ phải đi khám các lao tù và nghe những lời thỉnh cầu của các tù phạm.

Viên cố đạo nói lớn lên:

— À, vậy thì là có khác, và tôi mong rằng chúng ta sẽ thỏa hiệp được.

Viên Giám-đốc bỏ nhỏ với quan Thanh-tra:

— Ngài thấy chưa? thật đúng như tôi đã nói với ngài, nó khỉ sự đó.

Viên cố đạo tiếp luôn:

Thưa ngài, tôi là cố đạo Pha-ri-a, sinh-trưởng ở La-mê, có làm thư-ký cho Hồng-y Hô-bi-gô-li-ô-di trong 20 năm; tôi bị bắt, không rõ bắt vì cơ gì, vào khoảng đầu năm 1811; từ đấy đến nay tôi thường đòi sự tự do của tôi với các quan chức Ý và Pháp.

— Sao lại với các quan chức Pháp?

— Vì tôi bị bắt ở Bi-om-bi-nô (Piombino), và tôi đoán chừng rằng Bi-om-bi-nô cũng như Mi-lân (Milan) và Phê-rô-răng (Florence) đã thành thủ-phủ một tỉnh nào đó của nước Pháp.

(Còn nữa)

BÁ TƯỚC MÔNG = THẾ = TÔN

(LE COMTE DE MONTE-CRISTO)

PHÁP-QUỐC LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT

Tác-giả: Alexandre Dumas

— 27

Dịch-giả: Nam-Son